



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT TỈNH NGHỆ AN
MÙA MƯA NĂM 2022

HÀ NỘI, THÁNG 5/2022

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước
Địa chỉ: Số 93/95 Vũ Xuân Thiều, Sài Đông, Long Biên, Hà Nội; ĐT: 024 32665006; Fax: 024 37560034;
Website: cewafo.gov.vn; Email: vttcdbttn@monre.gov.vn

MỤC LỤC

1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất mùa khô.....	4
1.1. Mục nước	4
1.1.1. Tầng chứa nước Holocen (qh).....	4
1.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	6
1.2. Chất lượng nước.....	8
1.2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh).....	8
1.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	9
2. Dự báo mực nước dưới đất mùa mưa năm 2021	11
2.1 Tầng chứa nước Holocen (qh)	11
2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp).....	11
3. Cảnh báo mực nước dưới đất.....	12

LỜI NÓI ĐẦU

Bản tin thông báo, dự báo và cảnh báo tài nguyên nước dưới đất tỉnh Nghệ An được biên soạn hàng tháng, mùa, năm nhằm cung cấp các thông tin về số lượng, chất lượng nước, đồng thời dự báo tổng lượng nước đến, lượng nước có thể khai thác sử dụng tại các tiểu vùng dự báo và đưa ra những cảnh báo về tài nguyên nước nhằm phục vụ công tác quản lý Nhà nước, công tác điều tra cơ bản và quy hoạch tài nguyên nước.

Nghệ An là một tỉnh thuộc lưu vực sông Cả có diện tích tự nhiên là 16.490,25 km². Trong phạm vi tỉnh hiện nay có 46 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất được Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

Đối với tài nguyên nước dưới đất tỉnh Nghệ An gồm 2 tầng chứa nước chính: tầng chứa nước Holocen (qh), tầng chứa nước Pleistocen (qp). Theo báo cáo thuộc dự án “Biên hội - thành lập bản đồ tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:200.000 cho các tỉnh trên toàn quốc”, tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước như sau: tầng chứa nước Holocen (qh) là 688.698,6m³/ngày, tầng chứa nước Pleistocen (qp) là 136.705,0m³/ngày.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước – Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: 93/95 Vũ Xuân Thiều, P. Sài Đồng, Q. Long Biên, Hà Nội.

Email: vttcdbttn@monre.gov.vn; qtnn@monre.gov.vn

Bản tin được đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn

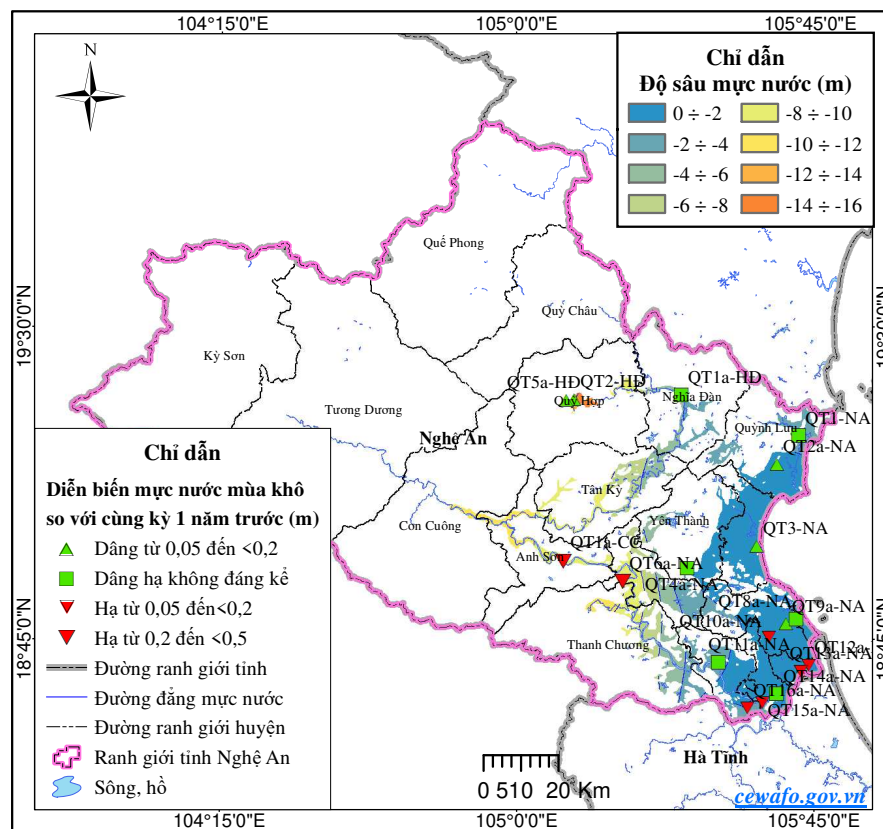
1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất mùa khô

1.1. Mức nước

1.1.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình mùa khô 11/2021 – 4/2022 hạ so với cùng kỳ 1 năm trước. Giá trị hạ thấp nhất là 0,36m tại xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu (QT3-NA) và dâng cao nhất 0,19m tại xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương (QT6a-NA).

Mức nước trung bình mùa khô nông nhất là -0,50m tại xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên (QT14a-NA) và trung bình mùa khô sâu nhất là -13,43m tại xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp (QT2-HĐ).



Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước mùa khô so với cùng kỳ 1 năm trước

Bảng 1. Tổng hợp mực nước trung bình tháng tầng qh (m)

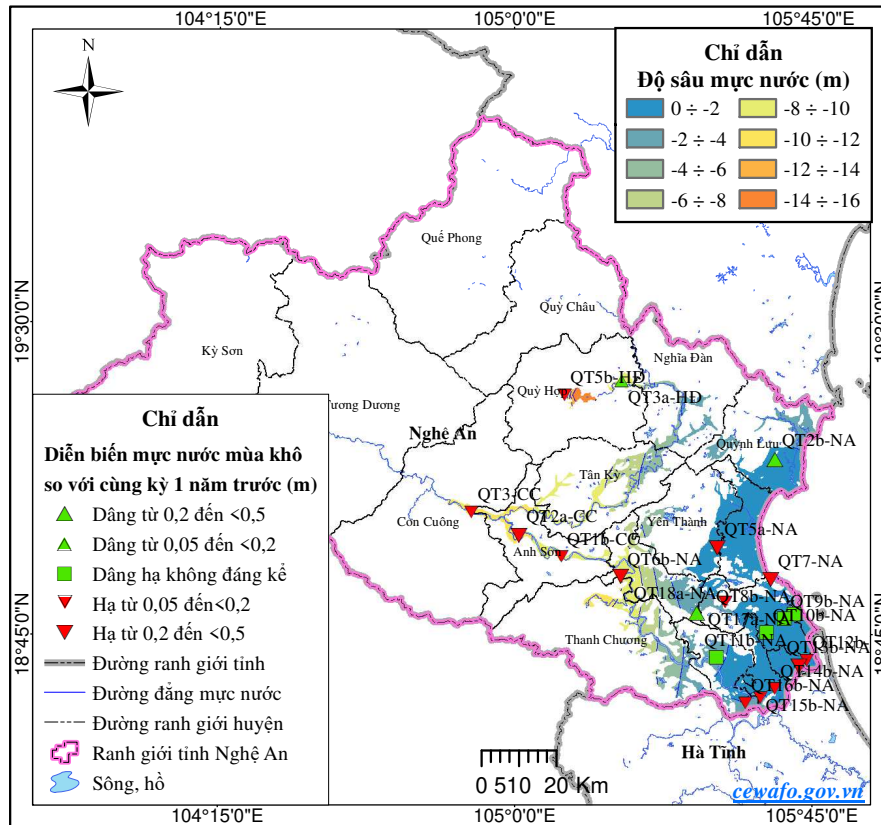
Thời gian	Xã Quỳnh Dị, TX. Hoàng Mai (QT1-NA)	Xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu (QT2a-NA)	Xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu (QT3-NA)	Xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành (QT4a-NA)	Xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương (QT6a-NA)	Phường Nghi Thu, TX. Cửa Lò (QT8a-NA)	Xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc (QT9a-NA)	Xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc (QT10a-NA)	TT. Nam Đàn, huyện Nam Đàn (QT11a-NA)
11/2021	-2,29	-0,97	-1,04	-1,88	-9,73	-1,50	-0,78	-1,88	-2,26
12/2021	-2,44	-1,42	-1,40	-1,99	-10,49	-1,77	-0,83	-1,87	-2,68
1/2022	-2,50	-1,43	-0,89	-2,04	-10,66	-1,82	-0,89	-1,82	-2,46
2/2022	-2,47	-1,47	-1,57	-2,08	-10,60	-1,82	-0,88	-1,77	-2,37
3/2022	-2,60	-1,41	-1,55	-2,26	-10,57	-1,84	-0,88	-1,78	-2,25
4/2022	-2,67	-1,22	-1,48	-2,09	-10,55	-1,84	-0,84	-1,76	-2,20

Thời gian	Xã Hưng Hòa, TP. Vinh (QT12a-NA)	Phường Hưng Dũng, TP. Vinh (QT13a-NA)	Xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên (QT14a-NA)	Xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên (QT15a-NA)	Xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn (QT16a-NA)	Xã Long Sơn, huyện Anh Sơn (QT1a-CC)	Xã Quang Phong, huyện Thái Hòa (QT1a-HĐ)	Xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp (QT2-HĐ)	Xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp (QT5a-HĐ)
11/2021	-0,59	-0,76	-0,68	-2,06	-1,64	-9,08	-2,59	-11,39	-5,08
12/2021	-0,68	-0,96	-0,61	-2,76	-2,23	-9,95	-3,98	-13,09	-5,26
1/2022	-0,80	-1,00	-0,47	-2,93	-2,24	-10,11	-4,81	-13,87	-5,19
2/2022	-0,86	-0,96	-0,41	-3,01	-2,27	-10,12	-4,65	-14,31	-5,14
3/2022	-0,80	-0,96	-0,36	-3,17	-2,22	-10,10	-4,15	-14,15	-5,19
4/2022	-0,72	-0,92	-0,48	-2,98	-1,97	-9,95	-4,41	-13,77	-5,25

1.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình mùa khô 11/2021 – 4/2022 hạ so với cùng kỳ 1 năm trước. Giá trị hạ thấp nhất là 0,45m tại xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc (QT7-NA) và dâng cao nhất 0,83m tại xã Đại Sơn, huyện Đô Lương (QT18a-NA).

Mực nước trung bình mùa mưa nông nhất là -0,3m tại xã Đại Sơn, huyện Đô Lương (QT18a-NA) và trung bình mùa mưa sâu nhất là -12,6m tại xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn (QT2a-CC).



Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực mùa khô so với cùng kỳ 1 năm trước

Bảng 2. Tổng hợp mực nước trung bình tháng tầng qđ (m)

Thời gian	Xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu (QT2b-NA)	Xã Công Thành, huyện Yên Thành (QT5a-NA)	Xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương (QT6b-NA)	Xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc (QT7-NA)	Phường Nghi Thu, TX. Cửa Lò (QT8b-NA)	Xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc (QT9b-NA)	Xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc (QT10b-NA)	TT. Nam Đàn, huyện Nam Đàn (QT11b-NA)	Xã Hưng Hòa, TP. Vinh (QT12b-NA)	Phường Hưng Dũng, TP. Vinh (QT13b-NA)
11/2021	-0,91	-1,68	-9,72	-3,89	-2,09	-1,97	-1,90	-3,53	-0,68	-1,38
12/2021	-1,30	-2,13	-10,47	-4,33	-2,13	-1,97	-1,85	-3,83	-0,70	-1,42
1/2022	-1,29	-1,88	-10,65	-4,35	-2,16	-1,90	-1,78	-3,96	-0,71	-1,47
2/2022	-1,32	-1,83	-10,66	-4,48	-2,17	-1,88	-1,75	-3,53	-0,70	-1,46
3/2022	-1,25	-1,69	-10,60	-4,41	-2,19	-1,91	-1,77	-3,41	-0,73	-1,50
4/2022	-1,05	-1,62	-10,49	-4,67	-2,20	-1,92	-1,72	-3,36	-0,65	-1,40

Thời gian	Xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên (QT14b-NA)	Xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên (QT15b-NA)	Xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn (QT16b-NA)	Xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc (QT17a-NA)	Xã Đại Sơn, huyện Đô Lương (QT18a-NA)	Xã Long Sơn, huyện Anh Sơn (QT1b-CC)	Xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn (QT2a-CC)	Xã Bồng Khê, huyện Con Cuông (QT3-CC)	Xã Tam Hợp, huyện Quỳnh Hợp (QT3a-HĐ)	Xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp (QT5b-HĐ)
11/2021	-1,13	-2,90	-3,04	-2,84	-0,11	-9,21	-11,43	-8,08	-7,17	-7,58
12/2021	-0,99	-3,25	-3,53	-3,03	-0,40	-9,96	-12,46	-8,34	-7,85	-8,47
1/2022	-1,10	-3,52	-3,55	-2,89	-0,36	-10,07	-12,83	-8,30	-8,03	-8,91
2/2022	-1,17	-3,47	-3,62	-2,72	-0,30	-10,08	-13,02	-8,27	-8,01	-9,06
3/2022	-1,08	-3,43	-3,68	-2,47	-0,30	-9,97	-13,03	-8,13	-8,05	-9,15
4/2022	-1,18	-3,12	-3,03	-2,52	-0,35	-9,87	-12,85	-8,03	-7,50	-9,20

1.2. Chất lượng nước

1.2.1. Tầng chứa nước Holocen (qh)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2021 tại các công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước mặn, một số chỉ tiêu vượt quá GTGH (QCVN09:2015/BTNMT), chi tiết như sau:

- *Chỉ tiêu độ mặn (TDS):*): Nhìn chung, độ mặn của nước mùa mưa năm 2021 đa số các công trình quan trắc đều nhỏ hơn GTGH (nước nhạt). Tuy nhiên một số nơi nước bị lợ hoặc mặn như sau:

Độ mặn 1500 - 3000 mg/l (nước lợ) phân bố ở khu vực xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc (QT10a-NA).

Độ mặn >3000mg/l (nước mặn) phân bố ở khu vực: xã Quỳnh Di, TX. Hoàng Mai(QT1-NA), xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu (QT2b-NA); Phường Nghi Thu, TX. Cửa Lò (QT8b-NA); xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc (QT9b-NA).

- *Các chỉ tiêu vi lượng:* Kết quả phân tích cho thấy các công trình đều có hàm lượng thấp hơn GTGH, tuy nhiên một số chỉ tiêu Mn, As, NH₄⁺ vượt.

Chỉ tiêu Mn: Hàm lượng Mn vượt lớn nhất tại công trình QT9a-NA (xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc), các công trình vượt GTGH phân bố như sau: QT13a-NA (phường Hưng Dũng, TP. Vinh); QT14a-NA (xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên); QT15a-NA (xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên); QT16a-NA (xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn); QT1a-CC (xã Long Sơn, huyện Anh Sơn).

Chỉ tiêu As: Hàm lượng As vượt lớn nhất tại công trình QT15a-NA (xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An). Ngoài ra còn 01 công trình vượt GTGH phân bố tại: QT11a-NA (TT. Nam Đàn, huyện Nam Đàn).

- *Chỉ tiêu Amoni (NH₄⁺):* Kết quả phân tích cho thấy một số công trình có hàm lượng vượt GTGH (1mg/l). Giá trị vượt lớn nhất tại công trình QT15a-NA (xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên). Các công trình vượt GTGH phân bố như sau: QT9a-NA (xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc); QT11a-NA (TT. Nam Đàn, huyện Nam Đàn); QT13a-NA (phường Hưng Dũng, TP. Vinh); QT14a-NA (xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên).

Bảng 3. Tổng hợp kết quả phân tích CLN tầng qh

Chỉ tiêu	TDS	Mn	As	NH ₄
GTGH	1500 (mg/l)	0,5 (mg/l)	0,05 (mg/l)	1 (mg/l)
QT1-NA	12354			
QT2a-NA	1302			
QT3-NA	6676			
QT4a-NA	6896			
QT6a-NA	124	0,50	0,00	0,01

Chỉ tiêu	TDS	Mn	As	NH4
GTGH	1500 (mg/l)	0,5 (mg/l)	0,05 (mg/l)	1 (mg/l)
QT8a-NA	301	0,48	0,01	0,01
QT9a-NA	469	1,42	0,01	3,92
QT10a-NA	2994			
QT11a-NA	157	0,05	0,05	12,61
QT12a-NA	7348			
QT13a-NA	465	1,11	0,00	2,38
QT14a-NA	561	1,00	0,00	5,04
QT15a-NA	317	0,81	0,31	11,90
QT16a-NA	230	0,63	0,00	0,40
QT1a-CC	274	3,51	0,00	0,39
QT1a-HĐ	236			
QT2-HĐ	73			
QT5a-HĐ	152			

1.2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa mưa năm 2021 tại các công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước mặn, một số chỉ tiêu vượt quá GTGH (QCVN09:2015/BTNMT), chi tiết như sau:

- *Chỉ tiêu độ mặn (TDS)*: Nhìn chung, độ mặn của nước mùa mưa năm 2021 đa số các công trình quan trắc đều nhỏ hơn GTGH (nước nhạt). Tuy nhiên một số nơi nước bị lợ hoặc mặn như sau:

Độ mặn 1500 - 3000 mg/l (nước lợ) phân bố ở khu vực xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc (QT7-NA).

Độ mặn >3000mg/l (nước mặn) phân bố ở khu vực: xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu (QT2b-NA); Phường Nghi Thu, TX. Cửa Lò (QT8b-NA); xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc (QT9b-NA).

- *Các chỉ tiêu vi lượng*: Kết quả phân tích mùa mưa năm 2021 cho thấy hầu hết các công trình đều có hàm lượng thấp hơn GTGH, tuy nhiên hàm lượng Mangan (Mn) ; Asen (As) tại một số công trình vượt GTGH, chi tiết như sau:

- Hàm lượng Mn cao nhất tại công trình QT15b-NA (xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn), với hàm lượng là 2,26 mg/l. Các công trình có hàm lượng Mn cao hơn GTGH (0,5mg/l) phân bố như sau: xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương (QT6b-NA); TT. Nam Đàn, huyện Nam Đàn (QT11b-NA); xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên (QT14b-NA); xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên (QT15b-NA); xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc (QT17a-NA); xã Long Sơn, huyện Anh Sơn (QT1b-CC).

- Hàm lượng As cao nhất tại công trình QT16b-NA (xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn). Các công trình có hàm lượng As cao hơn GTGH (0,05mg/l) phân bố như sau: xã

Hung Hòa, TP. Vinh (QT12b-NA); xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên (QT14b-NA); xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên (QT15b-NA); xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn (QT16b-NA).

- *Chỉ tiêu Amoni (NH₄⁺):* Kết quả phân tích mùa mưa năm 2021 cho thấy hầu hết các công trình đều có hàm lượng thấp hơn GTGH. Hàm lượng cao nhất tại công trình QT12b-NA (xã Hưng Hòa, TP. Vinh), với hàm lượng là 32,20 mg/l. Các công trình có hàm lượng NH₄ cao hơn GTGH (1mg/l) phân bố như sau: xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương (QT6b-NA); xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc (QT10b-NA); xã Hưng Hòa, TP. Vinh (QT12b-NA); Phường Hưng Dũng, TP. Vinh (QT13b-NA); xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên (QT14b-NA); xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên (QT15b-NA); xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn (QT16b-NA); xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn (QT2a-CC).

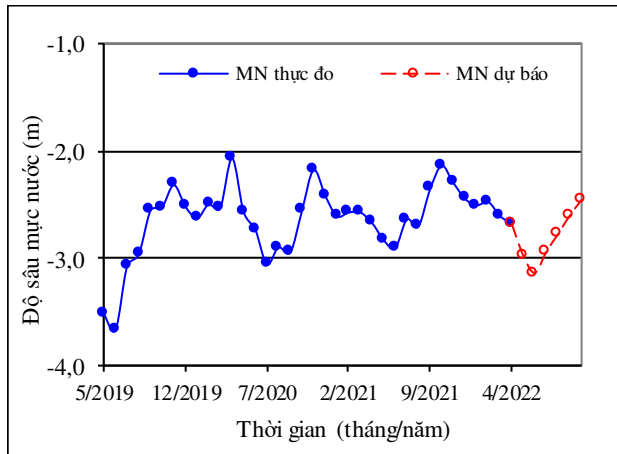
Bảng 4. Tổng hợp kết quả phân tích CLN tầng qđ

Chỉ tiêu	TDS	Mn	As	NH₄
GTGH	1500 (mg/l)	0,5 (mg/l)	0,05 (mg/l)	1 (mg/l)
QT2b-NA	3261			
QT5a-NA	243	0,41	0,00	0,01
QT6b-NA	160	1,97	0,02	1,23
QT7-NA	1600	0,28	0,00	0,34
QT8b-NA	4955			
QT9b-NA	5021			
QT10b-NA	1023	0,27	0,01	1,01
QT11b-NA	201	1,08	0,03	0,28
QT12b-NA	1458	0,19	0,14	32,20
QT13b-NA	1372	0,20	0,04	23,80
QT14b-NA	1360	1,44	0,10	31,80
QT15b-NA	493	2,26	0,07	4,48
QT16b-NA	671	0,22	0,17	10,64
QT17a-NA	146	0,60	0,00	0,39
QT18a-NA	47	0,01	0,00	0,01
QT1b-CC	290	1,05	0,00	0,28
QT2a-CC	54	0,38	0,01	1,45
QT3-CC	272	0,23	0,00	0,01
QT3a-HĐ	55			
QT5b-HĐ	120			

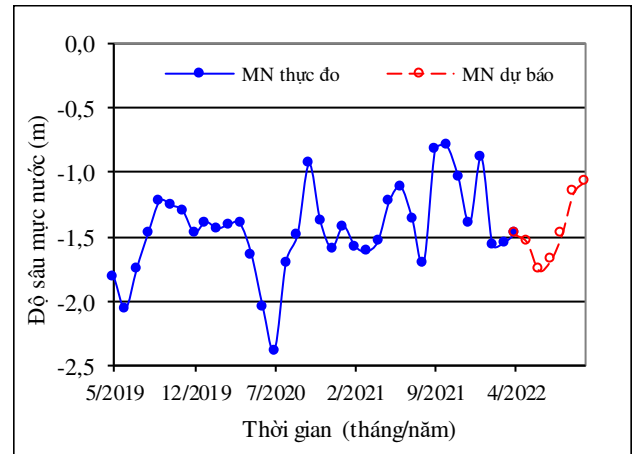
2. Dự báo mực nước dưới đất mùa mưa năm 2022

2.1 Tầng chứa nước Holocen (qh)

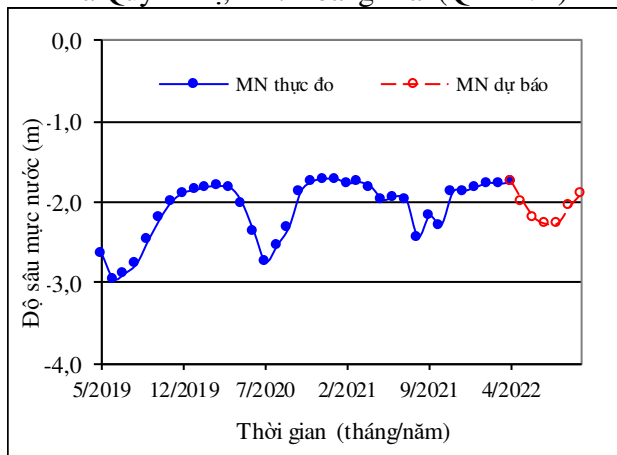
Mực nước trung bình các tháng mùa mưa năm 2022 nhìn chung có xu thế hạ so với cùng kỳ năm 2021. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau:



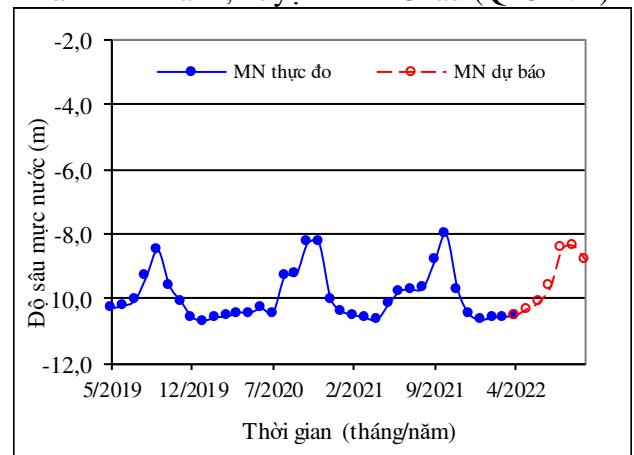
xã Quỳnh Di, TX. Hoàng Mai (QT1-NA)



xã Diên Thành, huyện Diên Châu (QT3-NA)



xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc (QT10a-NA)

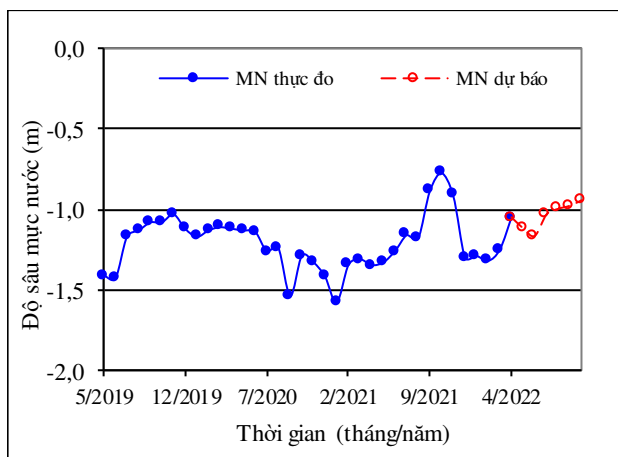


xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương (QT6a-NA)

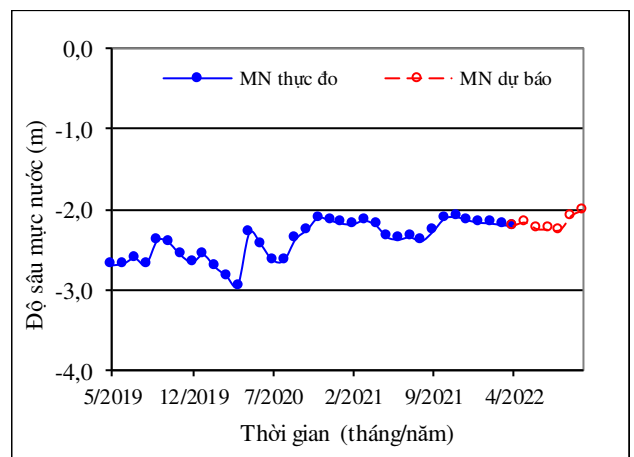
Hình 3. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

2.2. Tầng chứa nước Pleistocene (qp)

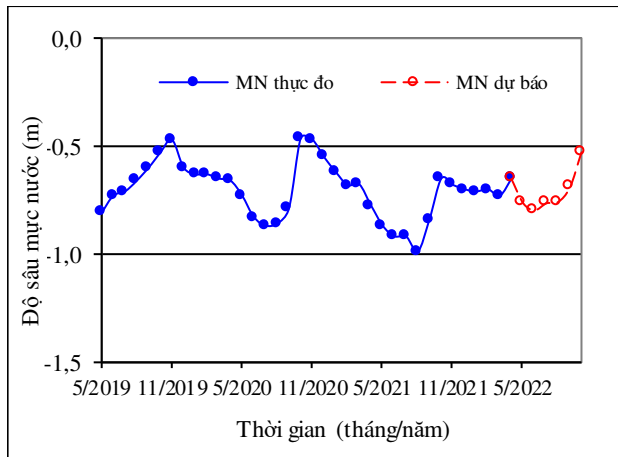
Mực nước trung bình các tháng mùa mưa năm 2022 nhìn chung có xu thế hạ so với cùng kỳ năm 2021. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau:



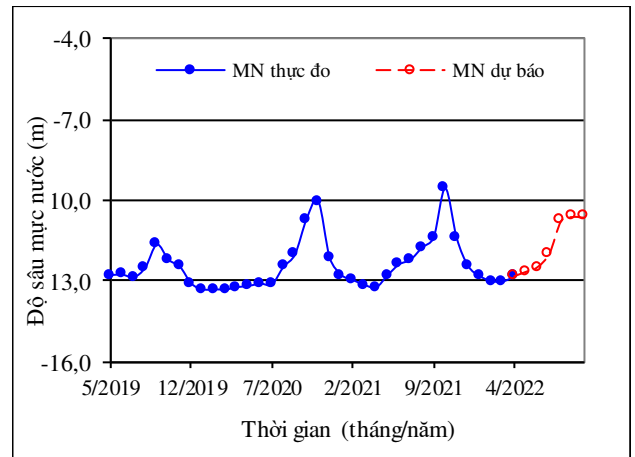
xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu (QT2b-NA)



Phường Nghi Thu, TX. Cửa Lò (QT8b-NA)



xã Hưng Hòa, TP. Vinh (QT12b-NA)



xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn (QT2a-CC)

Hình 4. Dự báo độ sâu mực nước tầng qđ

Bảng 5. Bảng tổng hợp mực nước dự báo

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước dự báo (m)			Tháng xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
I Tầng chứa nước qđ						
1	QT1-NA	xã Quỳnh Dị, TX. Hoàng Mai	-2,44	-3,14	-2,81	6/2022
2	QT3-NA	xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu	-1,07	-1,75	-1,44	6/2022
3	QT10a-NA	xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc	-1,90	-2,27	-2,12	7/2022
4	QT6a-NA	xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương	-8,34	-10,32	-9,27	5/2022
II Tầng chứa nước qđ						
1	QT2b-NA	xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu	-0,94	-1,17	-1,04	6/2022
2	QT8b-NA	Phường Nghi Thu, TX. Cửa Lò	-2,01	-2,25	-2,16	8/2022
3	QT12b-NA	xã Hưng Hòa, TP. Vinh	-0,53	-0,79	-0,71	6/2022
4	QT2a-CC	xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn	-10,59	-12,68	-11,52	5/2022

3. Cảnh báo mực nước dưới đất

Theo Nghị định 167/2018/NĐ-CP về Quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất, trong tình hình hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.